

**Phụ lục**

**DỰ KIẾN KINH PHÍ HỖ TRỢ MUA THẺ BẢO HIỂM Y TẾ CHO NGƯỜI CAO TUỔI CHƯA CÓ THẺ BẢO HIỂM Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

**I - Phương án 1:** Mức hỗ trợ bằng 100% mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định cho người cao tuổi chưa có thẻ bảo hiểm Y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến người cao tuổi chưa có thẻ BHYT	Mức đóng BHYT/năm /người	Tỷ lệ ngân sách nhà nước hỗ trợ (%)	Mức hỗ trợ thực tế /người/năm	Thành tiền	Cơ sở pháp lý
1	Số người cao tuổi chưa có thẻ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (Từ 60 – 74 tuổi)	Người	80.981	1.366.200 (Tính từ ngày 01/7/2026)	100	1.366.200	110.636.242.200	Căn cứ Điều 22 Luật BHXH số 41/2024/QH15; Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 7 nghị định số 146/2018/NĐ-CP; Căn cứ khoản 2 Điều 3 Nghị định 161/2026/NĐ-CP
	<b>Tổng Cộng</b>		<b>80.981</b>			<b>1.366.200</b>	<b>110.636.242.200</b>	

**II- Phương án 2:** Mức hỗ trợ bằng 50% mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định cho người cao tuổi chưa có thẻ bảo hiểm Y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến người cao tuổi chưa có thẻ BHYT	Mức đóng BHYT/năm/người	Tỷ lệ ngân sách nhà nước hỗ trợ (%)	Mức hỗ trợ thực tế /người/năm	Thành tiền	Cơ sở pháp lý
1	Số người cao tuổi chưa có thẻ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (Từ 60 – 74 tuổi)	Người	80.981	1.366.200 (Tính từ ngày 01/7/2026)	50	683.100	55.318.121.100	Căn cứ Điều 22 Luật BHXH số 41/2024/QH15 ; Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 7 nghị định số 146/2018/NĐ-CP; Căn cứ khoản 2 Điều 3 Nghị định 161/2026/NĐ-CP
	<b>Tổng Cộng</b>		<b>80.981</b>			<b>683.100</b>	<b>55.318.121.100</b>	